**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1**

**A. BÀI ĐỌC-HIỂU: BIỂN ĐẸP**

Buổi sớm nắng sáng. Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh.

 Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ nhỏ. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh buồm duyên dáng như ánh sáng chiếc đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên biển múa vui.

 Lại đến một buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng. Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai đem rắc lên trên.

 Biển nhiều khi rất đẹp, ai cũng thấy như thế. Nhưng có một điều ít ai chú ý là: vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu sắc ấy phần lớn là do mây trời và ánh sáng tạo nên.

 Theo VŨ TÚ NAM

Học sinh đọc thầm bài **“Biển đẹp”** rồi thực hiện các yêu cầu sau :

***Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất (từ câu 1 đến câu 4).***

**Câu 1: Bài văn trên tả cảnh biển vào lúc nào :**

a. Buổi sớm

b. Buổi chiều.

c. Cả sớm, trưa và chiều.

**Câu 2: Vẻ đẹp muôn màu sắc của biển do những gì tạo nên ?**

a. Mây trời.

b. Mây trời và ánh sáng.

c. Những cánh buồm

**Câu 3: Người cùng quê gọi là:**

a. Đồng bào

 b. Đồng đội

 c. Đồng hương

**Câu 4: Câu: “*Bác Hồ là vị cha già của dân tộc Việt Nam.*” được viết theo kiểu câu nào?**

1. Ai - làm gì? b. Ai - là gì? c. Ai - thế nào?

**Câu 5: Gạch dưới sự vật được so sánh trong câu sau :**

 Hoa lay ơn giống như chiếc loa kèn màu hồng phấn.

**Câu 6: Gạch dưới từ chỉ đặc điểm trong câu sau:**

Những ngày này, đường phố vắng vẻ hơn mọi khi.

**Câu 7: Đặt một câu theo kiều câu *Ai-làm gì?***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**B. CHÍNH TẢ**:

PH đọc cho HS viết đoạn bài chính tả **“ Quả sầu riêng”** vào vở ôn tập hoặc vở nháp.

**Quả sầu riêng**

 Sầu riêng có họ hàng xa với mít nhưng quả bé hơn. Gai quả sầu riêng vừa to vừa dài, cứng và sắc. Vỏ dày như quả mít nhưng cứng và rất dai.

 Khi quả chín mùi, vỏ sầu riêng tự tách ra thành bốn hoặc năm mảnh theo chiều dọc, để lộ những múi sầu riêng béo ngậy, nằm gối lên nhau trong các khe hở.

 *Theo Phạm Hữu Tùng*

**C. TẬP LÀM VĂN:**

***Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 5-10 câu) kể về thầy giáo hoặc cô giáo đã dạy em*.**

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**

**A. BÀI ĐỌC-HIỂU:**

**KIẾN MẸ VÀ CÁC CON**

 Kiến là một gia đình lớn. Kiến mẹ có chín nghìn bảy trăm đứa con. Tối nào kiến mẹ cũng tất bật trong phòng ngủ của con để vỗ về và hôn từng đứa:

* Chúc con ngủ ngon! Mẹ yêu con.

 Suốt đêm, kiến mẹ không hề chợp mắt để hôn đàn con. Nhưng cho đến lúc mặt trời mọc, lũ kiến con vẫn chưa được mẹ hôn hết lượt.

 Vì thương kiến mẹ quá vất vả, bác Cú Mèo đã nghĩ ra một cách. Buổi tối, đến giờ đi ngủ, tất cả lũ kiến con đều lên giường nằm trên những chiếc đệm xinh xinh. Kiến mẹ đến hôn vào má chú kiến con nằm ở hàng đầu tiên. Sau khi được mẹ hôn, chú kiến này quay sang hôn vào má kiến con bên cạnh và thầm thì:

* Mẹ gửi một cái hôn cho em đấy!

 Cứ thế, lần lượt các kiến con hôn truyền nhau và nhờ thế kiến mẹ có thể chợp mắt mà vẫn âu yếm được cả đàn con.

 *Chuyện của mùa hạ*

Học sinh đọc thầm bài **“ Kiến mẹ và các con ”** rồi thực hiện các yêu cầu sau :

***Phần 1 : Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất***.

( từ câu 1 đến câu 4)

**Câu 1: Kiến mẹ có bao nhiêu đứa con?**

 a. 970. b. 1970 c. 9700

**Câu 2: Vì sao Kiến mẹ cả đêm không chợp mắt?**

 a. Vì Kiến mẹ tất bật trong phòng ngủ chăm con.

 b. Vì Kiến mẹ muốn hôn tất cả các con.

 c. Vì Kiến mẹ phải đợi mặt trời mọc.

**Câu 3: Bác Cú Mèo đã nghĩ ra cách gì để Kiến mẹ đỡ vất vả?**

a. Kiến mẹ chỉ cần hôn kiến con nằm ở hàng đầu tiên rồi các con sẽ hôn truyền nhau.

 b. Kiến mẹ chỉ cần hôn kiến con nằm ở hàng đầu và hàng cuối rồi các con sẽ hôn truyền nhau.

 c. Kiến mẹ chỉ cần hôn kiến con nằm ở hàng cuối cùng rồi các con sẽ hôn truyền nhau.

 **Câu 4: “Kiến mẹ tất bật chăm con trong phòng ngủ.” thuộc mẫu câu nào?**

1. Ai - thế nào? b. Ai - làm gì? c. Ai - là gì?

**Phần 2: Tự luận (2điểm)**

**Câu 1: Gạch dưới sự vật so sánh trong câu sau :**

 Những bông cúc vàng lung linh như những tia nắng nhỏ.

**Câu 2: Đặt một câu theo kiều câu : Ai-thế nào?**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Câu 3: Qua câu chuyện “ Kiến mẹ và các con ”** **em có nhận xét gì về tình cảm của Kiến mẹ đối với các con ?**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**B. CHÍNH TẢ**:

PH đọc cho HS viết đoạn bài chính tả **“ Hoa hướng dương ”** vào vở ôn tập hoặc vở nháp:

**Hoa hướng dương**

 Trong quá trình sinh trưởng, hoa hướng dương cần hấp thu nhiều ánh sáng để tổng hợp chất dinh dưỡng, do đó cành hoa luôn quay theo hướng mặt trời.

 Nhìn bề ngoài, hoa hướng dương như một đóa hoa lớn nhưng thực ra là do vài trăm bông hoa con tạo nên. Những bông hoa nhỏ này đến mùa thu sẽ kết hạt.

**C. TẬP LÀM VĂN: (***PH cho HS làm vào vở nháp hoặc vở ôn tập)*

**ĐỀ BÀI: Em hãy viết một đoạn văn ngắn ( từ 5-7 câu) kể về một người bạn mà em thân nhất.**

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3**

**Bài đọc: Chiếc chậu nứt**

Một người có hai chiếc chậu lớn để khuân nước. Một trong hai chiếc chậu có một vết nứt. Khi từ giếng về nhà, nước trong chậu này chỉ còn một nửa. Chiếc chậu còn nguyên vẹn rất tự hào về sự hoàn hảo của mình, còn chiếc chậu nứt luôn bị cắn rứt vì không thể hoàn thành nhiệm vụ. Một ngày nọ, chiếc chậu nứt nói với người chủ: "Tôi thật sự xấu hổ về mình. Tôi muốn xin lỗi ông!". Người chủ hỏi: "Ngươi xấu hổ về chuyện gì?". Chiếc chậu nứt đáp:

- Chỉ vì lỗi của tôi mà ông không nhận được đầy đủ những gì xứng đáng với công sức của ông!

Người chủ liền khuyên chiếc chậu này chú ý đến những luống hoa bên vệ đường khi đi lấy nước về. Quả thật, dọc theo bên đường là những luống hoa rực rỡ khiến chiếc chậu nứt rất vui vẻ. Tuy nhiên, khi về đến nhà thì nó lại xin lỗi ông chủ vì nước mà nó mang vẫn chỉ còn một nửa. Người chủ đáp: "Nhờ có nước chảy ra từ vết nứt của ngươi mà những cây hoa này mới khoe sắc được. Ta đã hái những bông hoa đó để trang hoàng cho căn nhà của ta thêm ấm cúng và duyên dáng!"

Mỗi chúng ta đều có thể sống như cái chậu nứt: hãy biết tận dụng "vết nứt" của mình.

***(Sưu tầm)***

Học sinh đọc thầm bài “*Chiếc chậu nứt*” rồi thực hiện những bài tập sau:

**Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất** (**từ câu 1 đến câu 4**).

 **Câu 1 : Vì sao chiếc chậu nứt thấy cắn rứt và xin lỗi ông chủ?**

 a. Vì nó bị cái chậu lành trêu chọc.

b. Vì vẻ ngoài xấu xí của nó khiến ông chủ xấu hổ.

c. Vì nó không thể mang về đủ nước như cái chậu còn nguyên vẹn.

 **Câu 2 : Người chủ đã tận dụng vết nứt của chiếc chậu để làm gì?**

 a. Làm giảm lượng nước phải mang về.

b. Tưới nước cho các cây hoa ở ven đường.

c. Tỏ vẻ mình yêu thương hai cái chậu như nhau dù một chiếc bị nứt.

  **Câu 3 : Dòng nào gồm các từ chỉ đặc điểm của sự vật?**

 a. hoàn hảo, khoe sắc, rực rỡ

 b. hoàn hảo, rực rỡ, duyên dáng

 c. hoàn hảo, rực rỡ, xấu hổ

**Câu 4 : Câu “*Chiếc chậu còn nguyên vẹn rất tự hào về sự hoàn hảo của mình, còn chiếc chậu nứt luôn bị cắn rứt vì không thể hoàn thành nhiệm vụ.*” sử dụng biện pháp gì?**

a. liệt kê

b. nhân hóa

c. so sánh

**Câu 5 : Em hiểu như thế nào về câu: “*Mỗi chúng ta đều có thể sống như cái chậu nứt: hãy biết tận dụng "vết nứt" của mình.*”**

  ……………………………………………………………………………….………..………………………………….……………………

……………………………………………………………………………….………..………………………………….……………………

……………………………………………………………………………….………..………………………………….……………………

……………………………………………………………………………….………..………………………………….……………………

……………………………………………………………………………….………..………………………………….……………………

**Câu 6 : Kể tên các sự vật được nhân hóa trong câu chuyện trên.**

……………………………………………………………………………….………..………………………………….……………………

**Câu 7 :Viết câu trả lời cho câu hỏi sau:**

 Em học bài khi nào?

 ……………………………………………………………………………….………..………………………………….……………………

**Câu 8 :Tìm 3 từ chứa tiếng có vần *ân, âng* và *ưng*.**

 ***ân:***……………………………………………………………………………….………..………………………………….……………………

***âng:***……………………………………………………………………………….………..………………………………….……………………

***ưng:***……………………………………………………………………………….………..………………………………….……………………